

Bản án số: 21/2024/KDTM-ST

Ngày: 10-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 17/2024/TLST-KDTM ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 (V2); địa chỉ: A đường T, phường C, quận H, THANH Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Trần Minh B - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng V2 Chi nhánh K. Theo văn bản ủy quyền số 180/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 15/02/2023 của Chủ tịch hội.

Bà N ủy quyền lại cho:

1. Bà Dương Thị Diễm T, chức vụ: Nhân viên XLNCVĐ - Ngân hàng V2- Chi nhánh K. Theo Văn bản ủy quyền số 228/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 12 tháng 3 năm 2024,

2. Ông Trần Văn H, chức vụ: Nhân viên XLNCVĐ - Ngân hàng V2- Chi nhánh K. Theo Văn bản uỷ quyền số 228/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 12 tháng 3 năm 2024.

Ông H và bà T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Công ty TNHH F; địa chỉ: Số B T, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Trần Thị H1 – chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần T1; địa chỉ: E đường D (BC F), khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ - Giám đốc. Vắng mặt.

3. Công ty Cổ phần T1; địa chỉ trụ sở chính: E đường số B, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Trần Thị L - chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Sơn C1, sinh năm 1981; địa chỉ: 5, khu phố B, huyện B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Võ Thị Ánh N1, sinh năm 1988; địa chỉ: 5, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2023 và đơn đề nghị rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện ngày 29/3/2024, bản tự khai ngày 04/4/2024, ngày 22/4/2024, ngày 10/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C2 là ông Trần Văn H và bà Dương Thị Diễm T trình bày:

* Đối với khoản vay tín dụng của Công ty Cổ phần T1 như sau:

Ngày 10/4/2022, Ngân hàng TMCP C2 (gọi tắt Ngân hàng V2) và Công ty Cổ phần T1 (Gọi tắt Công ty T1) đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.038/2022-HĐCVHM/NHCT901-TIENTHANHVINH. Số tiền cam kết cho vay: Tổng dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 16.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay là tối đa không vượt quá 06 tháng.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay tín dụng nêu trên thì, ông Nguyễn Sơn C1 và bà N1 dùng các tài sản cá nhân để thế chấp cho nghĩa vụ vay tín dụng của Công ty T1, các tài sản cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 653, tờ bản đồ số 102 thuộc KDC và CC cao tầng T2, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 644812, số vào sổ cấp GCN: CS07678 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 16/01/2018, cập nhật chuyển nhượng cho bà Võ Thị Ánh N1 ngày 14/01/2019, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21.010/2021/HĐBĐ/NHCT901 ngày 01/02/2021;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 654, tờ bản đồ số 102 thuộc Khu dân cư và chung cư C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 032327, số vào sổ cấp GCN: CS10537 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 19/05/2020, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21.011/2021/HĐBĐ/NHCT901 ngày 02/01/2021;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 655, tờ bản đồ số 102 thuộc Khu dân cư và chung cư C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 032328, số vào sổ cấp GCN: CS10538 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 19/05/2020, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21.011/2021/HĐBĐ/NHCT901 ngày 02/01/2021;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 431, tờ bản đồ số 143 thuộc Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 774563, số vào sổ cấp GCN: CS18596 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Võ Thị Ánh N1 ngày 15/10/2021, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21.051/2021/HĐBĐ/NHCT901 ngày 19/10/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay. Do đó, Ngân hàng V2 khởi kiện công ty T1 với những yêu cầu sau:

Buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V2 với tổng số tiền dư nợ tạm tính đến ngày 08/05/2024 là: 14.633.202.876 đồng, trong đó:

+ Gốc: 12.910.851.962 đồng;
+ Lãi tiền vay: 1.722.350.914 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn 1.202.111.784 đồng và lãi quá hạn 520.239.130 đồng).

- Buộc Công ty Cổ phần T1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.038/2022-HĐCVHM/NHCT901-TIENTHANHVINH ngày 10/04/2022, kể từ ngày 09/5/2024 cho đến khi Công ty Cổ phần T1 trả xong tiền toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V2.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực mà Công ty Cổ phần T1 không thực hiện trả toàn bộ số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng V2 thì Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán các nghĩa vụ nợ còn lại cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ phát sinh tại Ngân hàng V2.

* Đối với khoản vay tín dụng của Công ty TNHH F như sau:

Ngày 31/5/2022, Ngân hàng TMCP C2 (gọi tắt Ngân hàng V2) và Công ty TNHH F (Gọi tắt Công ty F) đã ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 091/2022-

HĐCVHM/NHCT901-FAMILYMARKET. Số tiền cam kết cho vay: Tổng dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 9.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay là tối đa không vượt quá 06 tháng.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay tín dụng nêu trên thì, ông Nguyễn Sơn C1 và bà N1 dùng các tài sản cá nhân để thế chấp cho nghĩa vụ vay tín dụng của Công ty F, các tài sản cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 3367, tờ bản đồ số 33 thuộc Phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 715704, số vào sổ cấp GCN: CS19371 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 23/05/2022, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 070/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 31/05/2022;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 639, tờ bản đồ số 102 thuộc Khu dân cư và chung cư C, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 730880, số vào sổ cấp GCN: CS08006 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/03/2018, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 09/06/2022, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 014/2023/HĐBĐ/NHCT901 ngày 20/04/2023.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 793, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG514245, số vào sổ cấp GCN: CS12167 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/6/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 014/2023/HĐBĐ/NHCT901 ngày 20/4/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty F đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay. Do đó, Ngân hàng V2 khởi kiện Công ty F với những yêu cầu sau:

Buộc Công ty TNHH F có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V2 với tổng số tiền dư nợ tạm tính đến ngày 08/05/2024 là: 7.290.227.311 đồng, trong đó:

+ Gốc: 6.523.000.000 đồng;

+ Lãi tiền vay: 767.227.311 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn 558.833.576 đồng và lãi quá hạn 208.393.735 đồng).

- Buộc Công ty TNHH F phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 091/2022-HĐCVHM/NHCT901-FAMILYMARKET ngày 31/5/2022, kể từ ngày 09/5/2024 cho đến khi Công ty TNHH F trả xong tiền toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V2.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực mà Công ty TNHH F không thực hiện trả toàn bộ số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng V2 thì Công ty TNHH F có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán các nghĩa vụ nợ còn lại cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ phát sinh tại Ngân hàng V2.

* Đối với khoản vay tín dụng của công ty Cổ phần T1 như sau:

Ngày 29/10/2021, Ngân hàng TMCP C2 (gọi tắt Ngân hàng V2) và Công ty Cổ phần T1 (Gọi tắt Công ty T1) đã ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 21.050/2021-HĐCVHM/NHCT901-KHANHVINH, sau đó, hai bên còn ký các thoả thuận liên quan đến hợp đồng tín dụng đã ký kết vào ngày 29/10/2021 như: Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 22.136/2022-HĐCV-SBĐS01/NHCT901-KHANHVINH ngày 29/10/2022, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 22.136/2022-HĐCV-SBĐS02/NHCT901-KHANHVINH ngày 27/01/2023. Số tiền cam kết cho vay: Tổng dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 15.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay là tối đa không vượt quá 04 tháng.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay tín dụng nêu trên thì, ông Nguyễn Sơn C1 và bà N1 dùng các tài sản cá nhân để thế chấp cho nghĩa vụ vay tín dụng Công ty T1, các tài sản cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 431, tờ bản đồ số 143 thuộc Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 774563, số vào sổ cấp GCN: CS18596 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Võ Thị Ánh N1 ngày 15/10/2021, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21.053/2021/HĐBĐ/NHCT901 ngày 01/11/2021.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 639, tờ bản đồ số 102 thuộc Khu dân cư và chung cư C, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 730880, số vào sổ cấp GCN: CS08006 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/03/2018, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 09/06/2022, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 22.080/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 29/06/2022.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 793, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG514245, số vào sổ cấp GCN: CS12167 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/6/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 22.080/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 29/06/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện Công ty T1 với những yêu cầu sau:

Buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V2 với tổng số tiền dư tạm tính đến ngày 08/05/2024 là: 9.702.316.146 đồng, trong đó:

+ Gốc: 8.667.244.688 đồng;

+ Lãi tiền vay: 1.035.071.458 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn 728.685.528 đồng; Lãi quá hạn 306.385.930 đồng).

- Buộc Công ty Cổ phần T1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.050/2021-HĐCVHM/NHCT901-

KHANHVINH ngày 29/10/2021 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 22.136/2022-HĐCV-SBĐS01/NHCT901-KHANHVINH ngày 29/10/2022, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 22.136/2022-HĐCV-SBĐS02/NHCT901-KHANHVINH vào ngày 27/01/2023, kể từ ngày 09/5/2024 cho đến khi Công ty Cổ phần T1 trả xong tiền toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V2.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực mà Công ty Cổ phần T1 không thực hiện trả toàn bộ số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng V2 thì Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán các nghĩa vụ nợ còn lại cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ phát sinh tại Ngân hàng V2.

Tại đơn đề nghị rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện ngày 29/3/2024, Ngân hàng V2 rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc phát mãi đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 793, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG514245, số vào sổ cấp GCN: CS12167 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/6/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1, theo các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 22.080/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 29/06/2022 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 014/2023/HĐBĐ/NHCT901 ngày 20/4/2023.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Cổ phần T1 do người đại diện theo pháp luật là Trần Thị L, bị đơn Công ty TNHH F do người đại diện theo pháp luật là bà Trần Thị H1 và bị đơn Công ty Cổ phần T1 do người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn C đều vắng mặt, không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Sơn C1 và bà Võ Thị Ánh N1 đều vắng mặt, không có ý kiến gửi cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quá trình vay tín dụng, Công ty T1, Công ty T1 và Công ty F đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng V2. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Cổ Phần T1, bị đơn Công ty Cổ phần T1, bị đơn Công ty TNHH F và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định của Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng V2 có đơn rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc phát mãi đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 793, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG514245, số vào sổ cấp GCN: CS12167 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/6/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1, theo các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 22.080/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 29/06/2022 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 014/2023/HĐBĐ/NHCT901 ngày 20/4/2023. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện này theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 với Công ty Cổ Phần T1:

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.038/2022-HĐCVHM/NHCT901-TIENTHANHVINH ngày 10/4/2022 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 với Công ty Cổ Phần T1 là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 với giữa người có thẩm quyền của Công ty Cổ Phần T1 là ông Nguyễn Sơn C1 là người đại diện theo pháp luật của công ty (được đăng ký thay đổi lần thứ 3: Ngày 11/5/2023 do bà Trần Thị L đại diện theo pháp luật), thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Số tiền cam kết cho vay: Tổng dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 16.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay là tối đa không vượt quá 06 tháng. Ngân hàng V3 đã giải ngân cho Công ty T1 vay với tổng số tiền 13.314.801.145 đồng (trong 10 đợt theo các giấy nhận nợ số 11 ngày 01/11/2022, giấy nhận nợ số 12 ngày 02/11/2022, giấy nhận nợ số 13 ngày 03/11/2022, giấy nhận nợ số 14 ngày 04/11/2022, giấy nhận nợ số 15 ngày 10/11/2022, giấy nhận nợ số 16 ngày 27/12/2022, giấy nhận nợ số 17 ngày 10/01/2023, giấy nhận nợ số 18 ngày 11/01/2023, giấy nhận nợ số 19 ngày 12/01/2023, giấy nhận nợ số 20 ngày 13/01/2023). Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ gốc và lãi thì Công ty T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 08/5/2024 thì Công ty T1 còn nợ lại với tổng số tiền 14.633.202.876 đồng (trong đó: Nợ gốc 12.910.851.962 đồng, lãi trong hạn 1.202.111.784 đồng, lãi quá hạn 520.239.130 đồng). Vì vậy, Ngân hàng V2 khởi kiện yêu cầu Công ty T1 phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 với Công ty TNHH F:

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 091/2022-HĐCVHM/NHCT901-FAMILYMARKET ngày 31/05/2022 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 với Công ty TNHH F là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 với giữa người có thẩm quyền của Công ty TNHH F là ông Nguyễn Sơn C1 là người đại diện theo pháp luật của công ty (được đăng ký thay đổi lần thứ 1: Ngày 03/8/2023 do bà Trần Thị H1 đại diện theo pháp luật), thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Số tiền cam kết cho vay: Tổng dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 9.000.000.000 đồng. Mục đích vay

là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay là tối đa không vượt quá 06 tháng. Ngân hàng V3 đã giải ngân cho Công ty F vay với tổng số tiền 7.791.000.000 đồng (trong 04 đợt theo các giấy nhận nợ số 03 ngày 13/12/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 14/12/2022, giấy nhận nợ số 05 ngày 15/12/2022, giấy nhận nợ số 06 ngày 26/4/2023). Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ gốc và lãi thì Công ty F vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 08/5/2024 thì Công ty F còn nợ lại với tổng số tiền 7.290.227.311 đồng (trong đó: Nợ gốc 6.523.000.000 đồng, lãi trong hạn 558.833.576 đồng, lãi quá hạn 208.393.735 đồng). Vì vậy, Ngân hàng V2 khởi kiện yêu cầu Công ty F phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Đối với hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 với Công ty cổ phần T1:

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số số 21.050/2021-HĐCVHM/NHCT901-KHANHVINH ngày 29/10/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 22.136/2022-HĐCV-SBĐS01/NHCT901-KHANHVINH ngày 29/10/2022 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 22.136/2022-HĐCV-SBĐS02/NHCT901-KHANHVINH ngày 27/01/2023, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 với Công ty cổ phần T1 là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 với giữa người có thẩm quyền của Công ty cổ phần T1 là bà Võ Thị Anh N1 là người đại diện theo pháp luật của công ty (được đăng ký thay đổi lần thứ 6: Ngày 13/6/2023 do ông Nguyễn Văn C đại diện theo pháp luật), thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Số tiền cam kết cho vay: Tổng dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 15.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay là tối đa không vượt quá 04 tháng. Ngân hàng V3 đã giải ngân cho Công ty T1 vay với tổng số tiền 9.357.244.688 đồng (trong 08 đợt theo các giấy nhận nợ số 47 ngày 01/3/2023, giấy nhận nợ số 48 ngày 10/3/2023, giấy nhận nợ số 49 ngày 15/3/2023, giấy nhận nợ số 50 ngày 23/3/2023, giấy nhận nợ số 51 ngày 27/3/2023, giấy nhận nợ số 52 ngày 28/3/2023, giấy nhận nợ số 53 ngày 30/3/2023, giấy nhận nợ số 54 ngày 31/3/2023). Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ gốc và lãi thì Công ty T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 08/5/2024 thì Công ty T1 còn nợ lại với tổng số tiền 9.702.316.146 đồng (trong đó: Nợ gốc 8.667.244.688 đồng, lãi trong hạn 728.685.528 đồng, lãi quá hạn 306.385.930 đồng). Vì vậy, Ngân hàng V2 khởi kiện yêu cầu Công ty T1 phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Về xử lý tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên của Công ty cổ phần T1, Công ty TNHH F và Công ty Cổ Phần T1 thì ông C1, bà N1 đã thế chấp các tài sản cá nhân của mình cho Ngân hàng V2, gồm:

1. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 653, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại Khu dân cư và chung cư C, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 644812, sổ vào sổ cấp GCN: CS07678 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 16/01/2018, cập nhật chuyển nhượng cho bà Võ Thị Ánh N1 ngày 14/01/2019;

2. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 654, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại Khu dân cư và chung cư C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 032327, số vào sổ cấp GCN: CS10537 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 19/05/2020;

3. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 655, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại Khu dân cư và chung cư C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 032328, số vào sổ cấp GCN: CS10538 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 19/05/2020;

4. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 431, tờ bản đồ số 143 tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 774563, số vào sổ cấp GCN: CS18596 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Võ Thị Ánh N1 ngày 15/10/2021;

5. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 3367, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 715704, số vào sổ cấp GCN: CS19371 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 23/05/2022;

6. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 639, tờ bản đồ số 102 thuộc Khu dân cư và chung cư C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 730880, số vào sổ cấp GCN: CS08006 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/03/2018, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 09/06/2022;

Các tài sản thế chấp này đều được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp Công ty T1, Công ty F, Công ty T1 không có khả năng trả nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng V2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp giá trị tài sản phát mãi sau khi trừ chi phí cho việc phát mãi theo quy định không đủ để trả nợ cho Ngân hàng V2 thì Công ty T1, Công ty F, Công ty T1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V2 cho đến khi trả nợ xong.

[3] Từ những phân tích trên nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn Công ty cổ phần T1, Công ty TNHH F và Công ty Cổ Phần T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thu thập hồ sơ: Các bị đơn Công ty cổ phần T1, Công ty TNHH F và Công ty Cổ Phần T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 và các Điều: 147, 157, 217, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều: 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ vào các Điều: 299, 317, 318, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 về việc yêu cầu phát mãi Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 273m² thuộc thửa đất số 793, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG514245, số vào sổ cấp GCN: CS12167 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/6/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 014/2023/HĐBĐ/NHCT901 ngày 20/4/2023.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 đối với các bị đơn Công ty cổ phần T1, Công ty TNHH F và Công ty Cổ Phần T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

2.1.1. Buộc Công ty cổ phần T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 số tiền là 14.633.202.876 đồng (Mười bốn tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu hai trăm lẻ hai nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc 12.910.851.962 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 08/5/2024 là 1.722.350.914 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 09/5/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.038/2022-HĐCVHM/NHCT901-TIENTHANHVINH ngày 09/04/2022 cho đến khi Công ty cổ phần T1 trả nợ xong cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2.

2.1.2. Buộc Công ty TNHH F có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 số tiền là 7.290.227.311 đồng (Bảy tỷ hai trăm chín mươi triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm mười một đồng), trong đó: Nợ gốc 6.523.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 08/5/2024 là 767.227.311 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 09/5/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 091/2022-HĐCVHM/NHCT901-FAMILYMARKET ngày 31/05/2022 cho đến khi Công ty TNHH F trả nợ xong cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2.

2.1.3. Buộc Công ty Cổ Phần T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 số tiền là 9.702.316.146 đồng (Chín tỷ bảy trăm lẻ hai triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc 8.667.244.688 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 08/5/2024 là 1.035.071.458 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 09/5/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số số 21.050/2021-HĐCVHM/NHCT901-KHANHVINH ngày 29/10/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 22.136/2022-HĐCV-SBĐS01/NHCT901-KHANHVINH ngày 29/10/2022; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 22.136/2022-HĐCV-SBĐS02/NHCT901-KHANHVINH ngày 27/01/2023 cho đến khi Công ty Cổ Phần T1 trả nợ xong cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2.

2.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty cổ phần T1, Công ty TNHH F và Công ty Cổ Phần T1 không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 85m² thuộc thửa đất số 653, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại Khu dân cư và chung cư C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 644812, số vào sổ cấp GCN: CS07678 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 16/01/2018, cập nhật chuyển nhượng cho bà Võ Thị Ánh N1 ngày 14/01/2019, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21.010/2021/HĐBĐ/NHCT901 ngày 01/02/2021.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 85m² thuộc thửa đất số 654, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại Khu dân cư và chung cư C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 032327, số vào sổ cấp GCN: CS10537 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 19/05/2020, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21.011/2021/HĐBĐ/NHCT901 ngày 02/01/2021.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 85m² thuộc thửa đất số 655, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại Khu dân cư và chung cư C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 032328, số vào sổ cấp GCN: CS10538 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 19/05/2020, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21.011/2021/HĐBĐ/NHCT901 ngày 02/01/2021.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 879m² thuộc thửa đất số 431, tờ bản đồ số 143 tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 774563, số vào sổ cấp GCN: CS18596 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Võ Thị Ánh N1 ngày 15/10/2021, theo

các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21.051/2021/HĐBĐ/NHCT901 ngày 19/10/2021 (bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần T1) và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21.053/2021/HĐBĐ/NHCT901 ngày 01/11/2021 (bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần T1).

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 1.190,5m² thuộc thửa đất số 3367, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 715704, số vào sổ cấp GCN: CS19371 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 23/05/2022, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 070/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 31/05/2022.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 85m² thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số 102 tọa lạc tại Khu dân cư và chung cư C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 730880, số vào sổ cấp GCN: CS08006 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/03/2018, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Sơn C1 ngày 09/06/2022, theo các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 014/2023/HĐBĐ/NHCT901 ngày 20/04/2023 (bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH F) và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 22.080/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 29/06/2022 (bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần T1).

Trường hợp giá trị tài sản phát mãi sau khi trừ chi phí cho việc phát mãi theo quy định không đủ để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 thì Công ty cổ phần T1, Công ty TNHH F và Công ty Cổ Phần T1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 cho đến khi trả nợ xong.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần T1 phải chịu án phí 122.633.203 đồng (Một trăm hai mươi triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn hai trăm lẻ ba đồng).

- Công ty TNHH F phải chịu án phí 115.290.227 đồng (Một trăm mười lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng).

- Công ty Cổ phần T1 chịu án phí 117.702.316 đồng (Một trăm mười bảy triệu bảy trăm lẻ hai nghìn ba trăm mười sáu đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 số tiền 57.443.660 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004370 ngày 26/01/2024; số tiền 58.583.482 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004369 ngày 26/01/2024; và số tiền 60.917.867 đồng (Sáu mươi triệu chín trăm mười bảy nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004371 ngày 26/01/2024 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và lệ phí thu thập hồ sơ: Công ty cổ phần T1, Công ty TNHH F và Công ty Cổ Phần T1 phải chịu số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 đã tạm ứng. Công ty cổ phần T1, Công ty TNHH F và Công ty Cổ Phần T1 có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 20.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân